

Bản án số: 119/2022/HS-ST

Ngày: 29/8/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Lê Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2022/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đào Quốc T, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường D, Phường E, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đào Quốc T1 và bà Huỳnh Thị P1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/3/2022 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Văn Thành N (tên gọi khác: Đen), sinh năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: đường F, Phường E, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn H và bà Văn Thị T2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 70/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm về tội Cướp giật tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/11/2021; tiền sự: không. Bị cáo bị

bắt tạm giam từ ngày 24/02/2022 theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Bà Trần Thị Thùy T3, sinh năm 1999; địa chỉ: đường G, khu phố H, phường I, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Trường G, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: đường G, khu phố H, phường I, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường G, phường I, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Thanh V, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: đường L, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị Kim P2, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: đường M, Phường N, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Vắng mặt.

4. Ông Bùi Đình P3, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: xóm K, xã J, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; địa chỉ: đường O, Phường P, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

5. Ông Phạm Tân Đ là đại diện HKD Dịch vụ Chăm sóc Ngọc Thắng, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: đường Q, Phường P, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 07/02/2022 Văn Thành N điều khiển xe máy, (hiệu Hayate không rõ biển số) mượn của một người tên H (không rõ nhân thân lai lịch), chở Đào Quốc T từ Quận 8 sang Quận 7 chơi. Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2022, khi N chở T về Quận 8, ngang qua nhà trọ chị Trần Thị Thùy T3 tại số đường G, phường I, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, N phát hiện nhà không khóa, chỉ móc lại bằng một ổ khóa, bên trong có nhiều xe máy. N nảy sinh ý định trộm xe máy nên rủ T thực hiện, T đồng ý. T đứng ngoài cảnh giới, N đi bộ vào trong nhà thấy xe máy Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 72C1-59xxx dựng gần cửa, không khóa cổ. N lấy xe đẩy ra ngoài, cả hai cùng tẩu thoát. Lấy trộm được xe mang về nhà T cất giấu. Còn chiếc xe Hayate, N điện thoại cho Hào trả lại.

Ngày 09/2/2022, N và T đem chiếc xe đến tiệm cầm đồ Ngọc Thắng, có địa chỉ tại: đường Q, Phường P, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Đào Quốc T và Văn Thành N khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số: 61/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận về giá tài sản: 01 xe máy hiệu Attila Elizabeth, biển số 72C1-59xxx có giá trị là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe máy Attila Elizabeth, biển số 72C1-59xxx. Theo phiếu trả lời xác minh xe đứng tên chị Bùi Thị Kim P2. Chị P2 khai chị bán chiếc xe này năm 2019 cho người mua bán xe không rõ lai lịch. Hai bên không làm giấy tờ sang tên, chị đưa giấy tờ xe cho người mua. Qua quá trình làm việc chị T3 khai mua xe của anh Đỗ Thanh V không rõ lai lịch có kèm giấy mua bán xe. Chị T3 cho em ruột là Trần Trường G mượn để đi làm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho chị Trần Thị Thùy T3 theo Quyết định xử lý vật chứng ngày 17/5/2022 và Biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 17/5/2022.

Về dân sự: Chị Trần Thị Thùy T3 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Ông Bùi Đình P3 yêu cầu bồi thường số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng đã nhận cầm xe cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 85/CT-VKSQ7 ngày 02/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Đào Quốc T và Văn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đào Quốc T từ 06 (Sáu) tháng tù đến 01 (Một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Văn Thành N từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

Về phần dân sự:

Bà Trần Thị Thùy T3 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Văn Thành N bồi thường số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng, bị cáo Đào Quốc T bồi thường số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng cho ông Bùi Đình P3.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2022, bị cáo N chờ bị cáo T về Quận 8, ngang qua nhà trọ bà Trần Thị Thùy T3, tại địa chỉ số: đường G, phường I, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. N phát hiện nhà không khóa, chỉ móc lại bằng một ổ khóa, bên trong có nhiều xe máy. N nảy sinh ý định trộm xe máy nên rủ T thực hiện, T đồng ý. T đứng ngoài cảnh giới, N đi bộ vào trong nhà thấy xe máy Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 72C1-59xxx dựng gần cửa, không khóa cổ. N lấy xe đẩy ra ngoài, cả hai cùng tẩu thoát. Lấy trộm được xe mang về nhà T cất giấu.

Ngày 09/2/2022, N và T đem chiếc xe đến tiệm cầm đồ Ngọc Thắng tại địa chỉ: đường Q, Phường P, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 61/KL-HĐĐGTTHS ngày 02/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận về giá tài sản: 01 xe máy hiệu Attila Elizabeth, biển số 72C1-59xxx có giá trị là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi, hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Văn Thành N có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 (hai) năm về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 70/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Văn Thành N: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Văn Thành N.

Đối với bị cáo Đào Quốc T: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Trần Thị Thùy T3 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đình P3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng. Các bị cáo thừa nhận đã cầm cố chiếc xe chiếm đoạt của người bị hại cho ông Bùi Đình P3 (bị cáo Văn Thành N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Đào Quốc T chiếm đoạt số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng); Số tiền trên các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết; Tại phiên tòa bị cáo Văn Thành N đồng ý bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Đào Quốc T đồng ý bồi thường số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng) cho ông Bùi Đình P3. Xét, yêu cầu này của ông Bùi Đình P3 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xử lý vật chứng: 01 xe máy hiệu Attila Elizabeth màu đỏ biển số 72C1-59xxx, số khung KA11HDED 001xxx, số máy VMVUJAD 001xxx, cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho bà Trần Thị Thùy T3 là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Đào Quốc T và Văn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đào Quốc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Văn Thành N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2022.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Văn Thành N bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Đào Quốc T bồi thường số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng) cho ông Bùi Đình P3.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk. Thúy)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký và đóng dấu)**

**Đào Lê Anh**